TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BẾN CÁT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh P**

Bản án số: 25/2023/DS-ST
Ngày: 24-3-2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Phước Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Kim Lý;

Bà Nguyễn Thị Thắm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 451/2022/TLST-DS ngày 20 tháng 12 năm 2022 về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2023/QĐST-DS ngày 16/3/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S

Địa chỉ: Số 266 – 268, N, Phường V, Quận 3, Tp.H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Mai Xuân T, sinh năm 1976; địa chỉ: 28 H, tổ 13, khu phố 1, phường M, thị xã B, tỉnh B (theo Giấy ủy quyền ngày 30/12/2021) (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

2. Các bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Duy P, sinh năm 1985 (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

2.2. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1987 (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Tổ 13, khu phố 3, phường M, thị xã B, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo Đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S trình bày:

Ngày 27/07/2017, Ông P có ký với Ngân hàng TMCP S Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ thu nhập của Ông P, phía Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng là 20.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, Ông P đã thực hiện các giao dịch và các khoản phải thanh toán với tổng số tiền là 295.043.280 đồng (thứ tự thanh toán căn cứ theo điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, ông P đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 267.043.373 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông P vẫn không có thiện chí trả nợ. Do Ông P vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 30/06/2022 thì phía Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 23/11/2022. Ông P còn nợ các khoản sau: Nợ gốc 23.533.329 đồng, lãi quá hạn 4.466.578 đồng. Tổng cộng là 27.999.907 đồng.

Ngày 31/05/2017, bà S có ký với Ngân hàng TMCP S Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ thu nhập của bà S, phía Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng là 20.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, Bà S đã thực hiện các giao dịch và phải thanh toán với tổng số tiền là 256.401.773 đồng (thứ tự thanh toán căn cứ theo điều 20 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà S đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 228.247.399 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng Bà S vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà S vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng sử dụng thẻ. Ngày 30/06/2022, phía Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 24/07/2022. Bà S còn nợ các khoản sau: Nợ gốc là 23.663.122 đồng. Lãi quá hạn là 4.491.252 đồng. Tổng cộng là 28.154.374 đồng.

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, tạo điều kiện về mặt thời gian để ông P và bà S trả nợ, tuy nhiên Ông P và Bà S vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại các Hợp đồng đã ký. Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, phía Ngân hàng có đề nghị Tòa án giải quyết các yêu cầu khởi kiện sau:

- Buộc bị đơn ông Nguyễn Duy P phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 23/11/2022 là 27.999.907 đồng và lãi phát sinh sau ngày 23/11/2022 cho đến khi trả nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

- Buộc Bà Nguyễn Thị S phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 23/11/2022 là 28.154.374 đồng và lãi phát sinh sau ngày 23/11/2022 cho đến khi trả nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

** Tại Đơn trình bày ý kiến và xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng đề ngày 16/3/2023, ông Mai Xuân T trình bày:*

Hiện các bị đơn bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Duy P đã thừa nhận các khoản nợ gốc và hoàn cảnh gia đình gặp nhiều khó khăn. Do vậy, phía Ngân hàng tự nguyện không yêu cầu các bị đơn phải trả thêm các khoản tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng. Ngân hàng chỉ yêu cầu các bị đơn hoàn trả số tiền gốc còn nợ. Ngân hàng cũng không có tài liệu, chứng cứ gì để cung cấp thêm. Đề nghị Tòa án sớm đưa vụ án ra xét xử. Đề nghị Tòa án cho ông được từ chối các thủ tục hòa giải, đối chất, làm việc…

Ông cũng có yêu cầu được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại TAND thị xã Bến Cát và TAND các cấp cho đến khi kết thúc vụ án.

2. Bị đơn ông Nguyễn Duy P và bà Nguyễn Thị S trình bày tại Đơn trình bày ý kiến và xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng đề ngày 15/3/2023:

Vợ chồng ông bà đã được Tòa án cho tiếp cận đơn khởi kiện và các tài liệu kèm theo có trong hồ sơ vụ án. Ông bà cũng đã được nhận Thông báo về việc thụ lý vụ án. Ông bà thừa nhận là có ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với Ngân hàng TMCP S vào ngày 27/7/2017 (do ông P ký) và ngày 31/5/2017 (do bà S ký).

Do kinh doanh lan đột biến gặp nhiều khó khăn nên ông bà chưa thể trả xong các khoản nợ cho phía Ngân hàng.

Hiện bà Nguyễn Thị S còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là 23.663.122 đồng.

Hiện ông Nguyễn Duy P còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là 23.533.329 đồng.

Ông bà đồng ý trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng ý trả 02 khoản nợ gốc trên và toàn bộ các khoản lãi liên quan. Tuy nhiên, do ông bà gặp khó khăn nên mong muốn phía Ngân hàng xem xét giảm bớt một phần khoản lãi.

Ông bà cùng có đề nghị Tòa án cho phép được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại TAND thị xã Bến Cát và TAND các cấp cho đến khi kết thúc vụ án. Ông bà cam đoan không thắc mắc khiếu nại gì về việc giải quyết vụ án vắng mặt.

** Kiểm sát viên đại diện VKSND thị xã Bến Cát phát biểu ý kiến:*

+ Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ đã được Tòa án tiến hành đúng quy định pháp luật. các đương sự đều đã có lời khai và đều xin xét xử vắng mặt, nên việc HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định pháp luật.

+ Về nội dung vụ án: Các bị đơn đều thừa nhận khoản nợ gốc, nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Các đương sự có tranh chấp về hợp đồng tín dụng. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại khu phố 3, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương theo quy định tại Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về việc vắng mặt của các đương sự: Xét đại diện của nguyên đơn và các bị đơn đều đã có lời khai đầy đủ và đều thống nhất xin xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Duy P và bà Nguyễn Thị S phải thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền nợ gốc chưa thanh toán. Phía Ngân hàng tự nguyện không yêu cầu các bị đơn thanh toán các khoản lãi theo hợp đồng tín dụng.

Các bị đơn ông Nguyễn Duy P và bà Nguyễn Thị S đều thống nhất thừa nhận quá trình lập hợp đồng, sử dụng thẻ tín dụng và thừa nhận số tiền nợ gốc như phía nguyên đơn đã trình bày. Các bị đơn đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và có đề nghị được giảm bớt một phần khoản lãi liên quan.

Xét Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng do phía nguyên đơn cung cấp, HĐXX thấy rằng: Các văn bản trên được ký giữa các bị đơn ông Nguyễn Duy P, bà Nguyễn Thị S với nguyên đơn Ngân hàng TMCP S. Các văn bản này được các bên tự nguyện ký kết, mục đích và nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, các điều khoản trong các văn bản trên có hiệu lực pháp luật và là cơ sở phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa các bên.

Xét thấy, tính đến thời điểm xét xử, các bị đơn đều thừa nhận chưa thanh toán các khoản nợ gốc cho phía nguyên đơn là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên việc nguyên đơn khởi kiện các bị đơn yêu cầu thanh toán số tiền 23.533.329 đồng (đối với bị đơn ông Nguyễn Duy P) và 23.663.122 đồng (đối với bị đơn bà Nguyễn Thị S) là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 463 và 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của phía Ngân hàng tự nguyện không yêu cầu các bị đơn thanh toán các khoản tiền lãi phát sinh theo hợp đồng

tín dụng. Xét đây là sự tự nguyện của phía nguyên đơn và phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét ý kiến của vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát tại phiên tòa là phù hợp, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận, nên các bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Hoàn trả cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều: 357, 468, 463 và 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đối với các bị đơn ông Nguyễn Duy P và bà Nguyễn Thị S về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" như sau:

- Buộc bị đơn ông Nguyễn Duy P có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền là 23.533.329 đồng.

- Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị S có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền là 23.663.122 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền 703.859 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0001517 ngày 16/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn ông Nguyễn Duy P phải nộp 1.176.600 đồng.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị S phải nộp 1.183.100 đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Phước Thành